

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2025
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn, chia tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÁI NGUYÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Huy; Ông Trương Bế Thiện

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng – Thẩm tra
viên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu 1 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân
khu vực 1 - Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia
đình thụ lý số 111/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06/3/2025 về việc “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con khi ly hôn, chia tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
25/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/8/2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vi Việt K, sinh năm 1990 (có mặt)

Bị đơn: Chị Lương Thị Thu H, sinh năm 1990 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là
phường P, tỉnh Thái Nguyên).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của anh K: Ông Lưu Bình D – Luật sư
Văn phòng Luật sư Lưu Bình D. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Vi
Việt K trình bày:* Tôi và chị Lương Thị Thu H kết hôn năm 2017 tại UBND thị
trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời
gian kết hôn chúng tôi về sống tại tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu
thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về việc nuôi dạy con chung
và định hướng phát triển kinh tế gia đình. Chúng tôi nhiều lần cãi vã và có xảy ra

xô xát, đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị H. Về con chung: tôi và chị H có 01 con chung là Vi Việt A, sinh ngày 01/5/2018, khi ly hôn tôi nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi tự nguyện cấp dưỡng 1.600.000 đồng – 1.700.000 đồng/tháng. Về tài sản chung gồm nhà và đất đã được cấp Giấy CNQSD đất số CX 436412 cấp ngày 12/10/2020 mang tên Vi Việt K và Lương Thị Thu H đối với thửa 322 TBĐ số 22 diện tích 70m² đất ở tại đô thị. Tôi có nguyện vọng sử dụng nhà và đất và yêu cầu xem xét đến công sức đóng góp đối với khối tài sản chung trên. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn chị Lương Thị Thu H tại Toà án và tại phiên tòa trình bày: Tôi và anh Vi Việt K kết hôn năm 2017 tại UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau một thời gian kết hôn chúng tôi về sống tại tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K có hành vi đánh đập tôi, anh K còn có quan hệ ngoại tình. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh K xin ly hôn, tôi đồng ý. Về con chung: tôi và anh K có 01 con chung là Vi Việt A, sinh ngày 01/5/2018, khi ly hôn tôi trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tôi yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung gồm nhà và đất đã được cấp Giấy CNQSD đất số CX 436412 cấp ngày 12/10/2020 mang tên Vi Việt K và Lương Thị Thu H đối với thửa 322 TBĐ số 22 diện tích 70m² đất ở tại đô thị. Tôi đề nghị chia 50 : 50, tôi có nguyện vọng sử dụng nhà và đất. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vi Việt K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị Lương Thị Thu H. Về con chung: Anh K đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con chung Vi Việt A, anh K cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản anh K sử dụng nhà và đất, có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 1.000.000.000 đồng tiền trích chia tài sản. Bị đơn chị H đồng ý ly hôn với anh Vi Việt K. Về con chung: Chị H có nguyện vọng nuôi con Vi Việt A và yêu cầu anh K cấp dưỡng theo quy định. Về tài sản chị H nhất trí để anh K sử dụng toàn bộ tài sản và yêu cầu anh K trả cho chị H số tiền 1.000.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi

thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 33, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chia tài sản của anh Vi Việt K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh V Việt Kha được ly hôn chị Lương Thị Thu H.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung Vi Việt A, sinh ngày 01/5/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000 đến 2.500.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Giao cho anh K được quyền sở hữu và sử dụng tài sản là nhà và đất đã được cấp Giấy CNQSD đất số CX 436412 cấp ngày 12/10/2020 mang tên Vi Việt K và Lương Thị Thu H đối với thửa 322 TBĐ số 22 diện tích 70m² đất ở tại đô thị. Anh K có có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị về phần án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện anh Vi Việt K yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chia tài sản đối với chị Lương Thị Thu H, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ A, phường P, thành phố T nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, chia tài sản”; Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Việt K và chị Lương Thị Thu H kết hôn năm 2017 tại thị trấn Q, huyện Q nay là xã Q, tỉnh Cao Bằng, trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Quá trình chung sống giữa anh K và chị H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ và xô xát với nhau. Đến nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, phía chị H cũng đồng ý ly hôn theo đơn yêu cầu khởi kiện của anh K.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế là anh chị đang sống ly thân, không còn quan tâm gì tới nhau và đã chấm dứt mọi quan hệ, do đó căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Vi Việt K, cho anh K được ly hôn chị Lương Thị Thu H.

[2.2]. Về nuôi con khi ly hôn: Anh K và chị H đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Vi Việt A, sinh ngày 01/5/2018. Quá trình giải quyết, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn, phía anh K cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Việt A là phù hợp. Anh K được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu anh K cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh K hiện đang làm tại Bệnh viện Đ với mức lương hàng tháng là 9.000.000 đồng, do đó cần buộc anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp, cũng vừa đảm bảo điều kiện sống của người có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử ấn định thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[2.3]. Về tài sản: Anh K và chị H đều xác định vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà ở 2 tầng xây dựng năm 1994 sửa chữa năm 2020 trên diện tích 70m² tại thửa 322 tờ bản đồ 22 đã được cấp Giấy CNQSD đất số CX 436412 cấp ngày 12/10/2020 mang tên Vi Việt K và Lương Thị Thu H. Tại phiên toà anh K và chị H thống nhất thoả thuận: Giao cho anh V Việt Kha được quyền sở hữu 01 nhà ở và toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất số 322, tờ bản đồ số 22 và được quyền sử dụng thửa đất 322, tờ bản đồ số 22, diện tích 70m² loại đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri CX 436412, số vào sổ cấp GCN 00881/NCN, cấp ngày 12/10/2020 mang tên Vi Việt K và Lương Thị Thu H có tổng giá trị tài sản là 1.887.675.000 đồng (*một tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Anh K có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) tiền trích chia tài sản chung. Thời hạn trả tiền trong vòng 02 tháng (hai tháng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm 29/08/2025.

Đối với tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS, biển kiểm soát 20A-521.06 đăng ký xe mang tên Lương Thị Thu H. Ngày 18/4/2025 thì chị H và anh K đã bán tài sản trên, hiện không còn tài sản trên, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh K và chị H xác định có nợ Ngân hàng TMCP Đ1 - Chi nhánh T1 với số tiền 233.600.000 đồng, thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa 322 tờ bản đồ số 22, diện tích 70m², loại đất ở tại đô thị, theo Giấy CNQSD đất số CX 436412 cấp ngày 12/10/2020 mang tên Vi Việt K và Lương Thị Thu H. Tuy nhiên đến nay anh K và chị H đã trả xong khoản tiền nợ trên và xoá thế chấp tài sản.

Đối với khoản nợ chị Lương Minh H1 60.000.000 đồng, nợ chị Lương Minh H2 50.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, anh K và chị H đã trả xong số nợ trên. Chị H2, chị H1 không có yêu cầu gì. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về chi phí tố tụng: Các đương sự đều phải chịu chi phí tố tụng theo quy định. Phía anh K đã nộp số tiền tổng số tiền thẩm định, định giá tài sản là

34.000.000 đồng. Do đó, buộc chị H có trách nhiệm trả cho anh K số tiền là 17.000.000 đồng chi phí tố tụng theo quy định.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận, nhưng nguyên đơn anh Vi Việt K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Anh Vi Việt K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Anh K và chị H phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 8, 9, 33, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và chia tài sản khi ly hôn của anh Vi Việt K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Vi Việt K được ly hôn chị Lương Thị Thu H.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao con chung Vi Việt A, sinh ngày 01/5/2018 cho chị Lương Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung khi ly hôn: Anh Vi Việt K được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2025.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng

có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Giao cho anh V Việt Kha được quyền sở hữu 01 nhà ở và toàn bộ công trình xây dựng trên thửa đất số 322, tờ bản đồ số 22 và được quyền sử dụng thửa đất 322, tờ bản đồ số 22, diện tích 70m² loại đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số seri CX 436412, số vào sổ cấp GCN 00881/NCN, cấp ngày 12/10/2020 mang tên Vi Việt K và Lương Thị Thu H có tổng giá trị tài sản là 1.887.675.000 đồng (*một tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Anh K có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) tiền trích chia tài sản chung. Thời hạn trả tiền trong vòng 02 tháng (hai tháng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm 29/08/2025.

Chị Lương Thị Thu H được quyền sở hữu số tiền 1.000.000.000 đồng (*một tỷ đồng*) tiền trích chia tài sản chung do anh K thanh toán.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về nợ chung: Không có.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Lương Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho anh V Việt Kha số tiền 17.000.000 đồng (*mười bảy triệu đồng*) tiền chi phí tố tụng theo quy định.

5 Về án phí. Anh Vi Việt K phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con và 38.630.250 (*ba mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn, hai trăm năm mươi đồng*) án phí chia tài sản vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 13.300.000 đồng (*mười ba triệu, ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000804, ngày 06/3/2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Thái Nguyên. Chị Lương Thị Thu H phải chịu 42.000.000 đồng (*bốn mươi hai triệu đồng*) án phí chia tài sản nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND khu vực 1 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- T/báo UBND xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

8

Nguyễn Xuân Mừng